

## Chương XII

## ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 58. — Các xí nghiệp đã thành lập và hoạt động trước đây, nếu đã ký thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động, và ban hành nội quy, kỷ luật lao động không phù hợp với Quy chế này phải sửa đổi chậm nhất trong vòng hai tháng kể từ ngày quy chế này có hiệu lực.

Điều 59. — Bộ trưởng Bộ Lao động — Thương binh và xã hội hướng dẫn và quy định chi tiết thi hành Quy chế này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K. T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
VÕ VĂN KIẾT

## CHỦ TỊCH

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 218-CT ngày 15-6-1990 về việc tổ chức thực hiện chương trình tự động hóa đồng bộ.

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Theo sự thỏa thuận giữa Bộ Công nghiệp nặng và Ủy ban Khoa học Nhà nước;

Xét nhu cầu phát triển ngành tự động hóa đồng bộ ở Việt Nam,

## QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Giao cho Bộ Công nghiệp nặng làm đầu mối tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình dự án liên quan tới tự động hóa đồng bộ ở Việt Nam.

Điều 2. — Thành lập Ban điều hành Nhà nước về tự động hóa đồng bộ Việt Nam. Thành phần Ban điều hành gồm:

Trưởng ban: Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng,

Phó ban: Đại diện Bộ Công nghiệp nặng, Ủy ban Khoa học Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các ủy viên: Đại diện Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Viện Khoa học Việt Nam.

Thư ký thường trực: Bộ Công nghiệp nặng.

Điều 3. — Ban Điều hành Nhà nước về tự động hóa đồng bộ có chức năng nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

1. Xây dựng chiến lược phát triển tự động hóa đồng bộ, lập chương trình ngắn hạn, dài hạn và các dự án tự động hóa của Việt Nam.

2. Tổ chức tập hợp cán bộ khoa học kỹ thuật tự động hóa, chỉ đạo, quản lý và điều phối các mạng lưới cơ sở và các hoạt động liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình dự án tự động hóa đồng bộ đã xây dựng.

3. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức quốc tế về tự động hóa đồng bộ,

tham gia các hội nghị quốc tế về tự động hóa đồng bộ, cung cấp thông tin, giúp đỡ các cơ sở mở rộng hợp tác với nước ngoài (bao gồm hợp tác với SEV và các nước khác).

Điều 4. — Bộ Công nghiệp nặng phối hợp với Ủy ban Khoa học Nhà nước và các cơ quan liên quan để tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, bảo đảm công tác có hiệu quả thiết thực.

Điều 5. — Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban khoa học Nhà nước và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 6. — Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

K. T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
 Phó Chủ tịch  
 TRẦN ĐỨC LUƠNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 219-CT ngày 15-6-1990 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Xét dự án đầu tư « xây dựng vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình » của Bộ Lâm nghiệp (tờ trình số 112-LN-KL ngày 24-1-1990);

Theo đề nghị của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về việc phê duyệt dự án đầu tư này (văn bản số 387-UB-XD-NL ngày 7 tháng 5 năm 1990),

**QUYẾT ĐỊNH :**

Điều 1. — Nay phê duyệt dự án đầu tư xây dựng vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình theo những nội dung kinh tế — kỹ thuật chủ yếu sau :

1. Tên công trình : Vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình.
2. Địa điểm và phạm vi đất đai vùng dự án quản lý :

a) Địa điểm :

— Vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình gồm hai giải đất chạy dọc theo ven hồ có chiều dài 200 km tính từ đập chính công trình thủy điện Hòa Bình đến Tạ Bú (Sơn La); chiều rộng mỗi giải bình quân 2 km tính từ mép nước hồ lên.

— Có tọa độ địa lý :

Vĩ độ Bắc từ 20° đến 21°30'

Kinh độ Đông từ 103° đến 106°

b) Phạm vi đất đai vùng dự án :

— Nằm trong địa phận hành chính của các huyện : Đà Bắc, Tân Lạc, Kỳ Sơn, Mai Châu, thị xã Hòa Bình (tỉnh Hà Sơn Bình); Mường La, Mai Sơn, Bắc Yên, Mộc Châu, Phù Yên (tỉnh Sơn La).

— Tổng diện tích tự nhiên : 79.740 héc-ta

Trong đó :

Đất vùng bán ngập : 8.000 héc-ta

Đất còn rừng : 13.091 héc-ta